

**BỘ TÀI CHÍNH**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: 192/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2016

## **THÔNG TƯ**

**QUY ĐỊNH MỨC THU CHẾ ĐỘ THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG BIỂN, KẾ HOẠCH AN NINH CẢNG BIỂN VÀ CẤP LÝ LỊCH LIÊN TỤC CỦA TÀU BIỂN**

*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Thực hiện quy định của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) năm 2002 sửa đổi, bổ sung một số Chương của Công ước Quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển (SOLAS 74) ban hành kèm theo Bộ luật quốc tế về an ninh tàu biển và cảng biển (Bộ luật IPS); Nghị quyết số 5 về thúc đẩy hợp tác và hỗ trợ kỹ thuật ngày 12 tháng 12 năm 2002 của Hội nghị quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Quyết định số 191/2003/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung năm 2002 một số chương của Công ước Quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển, kế hoạch an ninh cảng biển và cấp lý lịch liên tục của tàu biển.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển, kế hoạch an ninh cảng biển cho các cảng biển, bến cảng hoặc cầu cảng (sau đây gọi chung là cảng biển) tiếp nhận tàu biển hoạt động trên tuyến quốc tế; cấp lý lịch liên tục của tàu biển.

## Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài liên quan đến việc quản lý và khai thác cảng biển tiếp nhận tàu biển hoạt động trên tuyến quốc tế sau:

a) Tàu khách.

b) Tàu hàng có tổng dung tích từ 500 GT trở lên.

c) Giàn di động mang cờ quốc tịch Việt Nam.

2. Các tổ chức, cá nhân khai thác các loại tàu biển Việt Nam quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

3. Cục Hàng hải Việt Nam, Chi cục Hàng hải, Cảng vụ hàng hải, Cơ quan Đăng ký tàu biển, Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

## Điều 3. Mức thu phí

Mức thu phí thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển; thẩm định, phê duyệt kế hoạch an ninh cảng biển; thẩm định cấp lý lịch liên tục của tàu biển được quy định tại Biểu mức phí dưới đây:

Số TT	Công việc quy định thu phí	Mức phí (đồng/lần)
1	Thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển:	
	- Lần đầu hoặc định kỳ 5 năm	15.000.000
	- Bổ sung	3.000.000
2	Thẩm định, phê duyệt kế hoạch an ninh cảng biển:	
	- Cấp giấy chứng nhận phù hợp của cảng biển lần đầu hoặc định kỳ 5 năm	20.000.000
	- Thẩm định, xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp của cảng biển hoặc bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận phù hợp của cảng biển	4.000.000
3	Thẩm định cấp lý lịch liên tục của tàu biển:	
	- Lần đầu	1.500.000

**Điều 4. Tổ chức thu và người nộp phí**

1. Người nộp phí là các tổ chức, cá nhân (Việt Nam và nước ngoài) khi được Cục Hàng hải Việt Nam, Chi cục Hàng hải, Cảng vụ hàng hải thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển; thẩm định, phê duyệt kế hoạch an ninh cảng biển; thẩm định cấp lý lịch liên tục của tàu biển phải nộp phí theo Biểu mức phí quy định tại Điều 3 Thông tư này.

2. Tổ chức thu phí theo quy định tại Thông tư này bao gồm:

- a) Cục Hàng hải Việt Nam thu phí thẩm định, phê duyệt kế hoạch an ninh cảng biển.
- b) Các Chi cục Hàng hải thu phí thẩm định cấp lý lịch liên tục của tàu biển.
- c) Cảng vụ hàng hải thu phí thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển.

**Điều 5. kê khai, thu, nộp phí**

1. Người nộp phí phải nộp phí khi nộp hồ sơ đề nghị tổ chức thu phí thực hiện các công việc quy định thu phí theo Thông tư này.

2. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

3. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 19 và khoản 2 Điều 26 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ. Tổ chức thu phí nộp số tiền phí theo tỷ lệ quy định tại Điều 6 Thông tư này vào ngân sách nhà nước (ngân sách trung ương) theo chương, mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước.

**Điều 6. Quản lý và sử dụng phí**

1. Tổ chức thu phí được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thẩm định, phê duyệt, thu phí và nộp 10% vào ngân sách nhà nước; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

a) Số tiền phí được để lại được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

b) Cục Hàng hải Việt Nam trích 10% trên số tiền được để lại, chuyển cho Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải. Trung tâm Thông tin an ninh hàng hải quản lý và sử dụng số tiền này theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

2. Trường hợp tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước không thuộc diện được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí thì phải nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Nguồn chi phí trang trải cho hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

## **Điều 7. Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Thay thế Thông tư số 132/2013/TT-BTC ngày 19 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển, kế hoạch an ninh cảng biển và cấp lý lịch liên tục của tàu biển.

2. Các nội dung khác liên quan đến thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí không đề cập tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ; Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

### ***Nơi nhận:***

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Website chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

**Vũ Thị Mai**